

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22-3-2021

*“V/v ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Bà Quách Thị Thu Hương.

2. Ông Phạm Hoàng Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 về ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/3/2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Trần Trúc L, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1990;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Trúc L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và anh T qua thời gian tìm hiểu, được sự thống nhất của gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã B theo đúng quy định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên không tìm được

tiếng nói chung. Từ đó, tình nghĩa vợ chồng rạn nứt, hạnh phúc tan vỡ không thể khắc phục được nữa. Chị L thấy mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục duy trì nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 đứa con chung là Trần Khánh D, sinh ngày 30/11/2014, giới tính nam; con hiện đang sống với chị L, nay ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 20/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Thanh T trình bày: Anh xác định lời trình bày của chị L về quá trình hôn nhân con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nay vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn tình cảm nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 đứa con chung là Trần Khánh D, sinh ngày 30/11/2014, giới tính nam; con hiện đang sống với chị L, nay ly hôn, anh T thống nhất giao con cho chị L trực tiếp dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách tham gia tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt những quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt anh T.

Về nội dung vụ án: Chị L và anh T kết hôn năm 2014 có đăng ký kết theo quy định của pháp luật, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh T, chị L xác định không còn tình cảm với nhau nên thống nhất thỏa thuận ly hôn, căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Trần Trúc L và anh Trần Thanh T.

Về con chung: Chị L và anh T xác định anh chị có một con chung là Trần Khánh D, sinh ngày 30/11/2014, giới tính nam; con hiện đang sống với chị L, nay ly hôn chị L và anh T thống nhất thỏa thuận anh T đồng ý giao cháu D cho chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thỏa thuận trên là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, chính quyền địa phương xác định chị L có đủ điều kiện để nuôi con nên căn cứ Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Trần Khánh D, sinh ngày

30/11/2014, giới tính nam cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Từ những phân tích như trên căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Trần Trúc L và anh Trần Thanh T; về con chung giao cháu Trần Khánh D, sinh ngày 30/11/2014, giới tính nam cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Trần Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của anh T không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

Nguyên đơn chị L yêu cầu ly hôn với bị đơn anh L và có yêu cầu nuôi con chung. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung”; chị L yêu cầu ly hôn với anh T, anh T có nơi cư trú tại ấp A, xã B, huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là phù hợp.

Do Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T xác lập quan hệ hôn nhân năm 2014, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, gia đình hai bên đã can thiệp hòa giải nhưng vẫn không thể hàn gắn mặc dù anh chị đã có thời gian dài để cùng nhau hàn gắn nhưng vẫn không thành và hơn nữa anh chị đã sống ly thân từ 4-5 năm nay. Nay chị L xác định không còn tình cảm với chồng, chị cương quyết yêu cầu ly hôn và anh T xác định vợ chồng không còn tình cảm và đồng ý ly hôn. HĐXX áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Trần Trúc L và anh Trần Thanh T.

[2.2] *Về con chung*: Theo lời trình bày của chị L, anh T và theo giấy khai sinh có cơ sở xác định trong thời gian chung sống, anh chị có một người con chung là Trần Khánh D, sinh ngày 30/11/2014, giới tính nam; con hiện đang sống với chị L, nay ly hôn chị L và anh T thống nhất thỏa thuận anh T đồng ý giao cháu D cho chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thỏa thuận trên là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, chính quyền địa phương xác định chị L có đủ điều kiện để nuôi, nên căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Trần Khánh D, sinh ngày 30/11/2014, giới tính nam cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng anh T không phải cấp dưỡng nuôi con (*Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật*). Anh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[2.4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh T và chị L xác định không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nguyên đơn chị Trần Trúc L chịu toàn bộ là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003906 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 - Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Trần Trúc L và anh Trần Thanh T.

2 - Về con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa chị L, anh T giao cháu Trần Khánh D, sinh ngày 30/11/2014, giới tính nam cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng (Hiện nay cháu D đang sống với chị L) anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu (*Trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật*). Anh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T xác định không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4- Án phí ly hôn sơ thẩm: Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nguyên đơn chị Trần Trúc L chịu toàn bộ là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003906 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/3/2021); đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Thị Mỹ Vinh
 (Đã ký)